



# *Milady's Standard Nail Technology*

## UV Gels



“Right now at this very moment  
we have a mind, which is all the  
basic equipment we need to achieve  
complete happiness.”

— **Pema Chodron**  
Buddhist teacher



# Objectives (*Các mục tiêu*)

- Describe the chemistry and main ingredients of UV gels
- *Mô tả các tính chất hóa học và thành phần chính của gel UV.*
- Describe when to use the one-color and two-color methods for applying UV gels.
- *Mô tả khi nào sử dụng các phương pháp một màu và hai màu trong việc sử dụng gel UV.*
- Name and describe the types of UV gels used in current systems.
- *Liệt kê và mô tả các loại gel UV được sử dụng trong các hệ thống hiện tại.*
- Identify the supplies needed for UV gel application.
- *Xác định các vật liệu cần thiết cho các ứng dụng của gel UV.*
- Determine when to use UV gels.
- *Xác định khi nào thì sử dụng gel UV.*
- Identify which type of UV gel is best suited for a service.
- *Xác định loại gel UV nào là thích hợp nhất cho một dịch vụ.*



# Objectives, cont'd. (*Các mục tiêu, tiếp*)

- Discuss the differences between UV light units and UV lamps.
- *Thảo luận về sự khác nhau giữa các đơn vị UV ánh sáng và UV đèn điện.*
- Describe how to apply one-color UV gel on tips and natural nails.
- *Mô tả cách sử dụng gel UV một màu cho móng giả và móng tự nhiên.*
- Describe how to apply UV gels over forms.
- *Mô tả cách sử dụng các gel UV trên các khuôn móng.*
- Describe how to maintain UV gel nail enhancements.
- *Mô tả cách bảo dưỡng khi đắp móng bằng gel UV.*
- Explain how to correctly remove hard UV gels.
- *Giải thích cách chính xác để loại bỏ gel UV cứng.*
- Explain how to correctly remove soft UV gels.
- *Giải thích cách chính xác để loại bỏ gel UV mềm.*



# UV Gels (*Các gel UV*)

- UV gels are a type of nail enhancement product that hardens when exposed to a UV gel light—an increasingly popular method for nail enhancement services.
- *Gel UV là một loại của sản phẩm đắp móng, nó cứng lại khi được tiếp xúc với một gel UV light – một phương pháp ngày càng phổ biến đối với các dịch vụ đắp móng.*



# UV Gel Characteristics

## (*Các đặc điểm của gel UV*)

- UV gels rely on monomer liquid and polymer powder ingredients. 
- *Gel UV dựa trên thành phần của chất lỏng monomer và bột polymer.*
- They are part of the family of acrylates.
- *Chúng là một phần của tập hợp acrylates.*
- They rely mostly on oligomers.
- *Chúng chủ yếu dựa vào các oligomers.*
  - Short chains of monomers that are not long enough to be considered polymers and are often referred to as “pre-polymers.”
  - *Các chuỗi ngắn của các monomers không đủ dài để được coi là polymers và thường được gọi là "pre-polymers."*



# UV Gel Characteristics

## (*Các đặc điểm của gel UV*)

- Traditional gels \* *Các Gel truyền thống*
- Newer gel systems \* *Hệ thống gel mới hơn*
- Reaction \* *Sự phản ứng*
- Photoinitiator \* *Chất quang khơi mào*
- Curing \* *Lưu hóa*

Urethane acrylate

Urethane methacrylate



# UV Gel Characteristics

## *(Các đặc điểm của gel UV)*

- Easy to apply, file, and maintain
- *Dễ dàng sử dụng, giữa, và bảo dưỡng*
- Little or no odor
- *Ít hoặc không có mùi*
- Not as hard as monomer liquid and polymer powder
- *Không cứng như chất lỏng monomer và bột polymer*
- Require UV lamp exposure to cure
- *Cần được tiếp xúc với đèn UV để lưu hóa*
- Thin viscosity gels
- *Gel có dạng sền sệt lỏng*



# UV Gel Categories (*Các loại gel UV*)

- Clear resin for one-color method
- *Nhựa trong suốt cho phương pháp một màu*
- Pink and white resin for two-color method
- *Nhựa màu hồng và màu trắng cho phương pháp hai màu*





# Types of UV Gels (*Các loại gel UV*)

- UV bonding gels
- *Gel UV liên kết*
- UV building gels
- *Gel UV kiến tạo*
- Self-leveling UV gels
- *Gel UV tự san bằng*
- Pigmented gels
- *Gel nhuộm màu*



# Types of UV Gels, cont'd.

## (*Các loại gel UV, tiếp*)

- UV gel polishes
- *Sơn gel UV*
- UV gloss gels
- *Gel UV tạo độ bóng*
  - Traditional (*gel tạo độ bóng truyền thống*)
  - Tack-free (*gel tạo độ bóng không dính*)



# UV Gel Supplies (*Các vật liệu gel UV*)

- UV gel light unit (*Đơn vị ánh sáng gel UV*)
- Synthetic brushes (*bàn chải tổng hợp*)
- UV gel primer or bonding gel
- *Gel UV lót hoặc gel liên kết*
- UV gel
- Nail tips (*móng giả*)





# Choosing the Proper UV Gel (*Lựa chọn gel UV thích hợp*)

- Flat fingernails (*móng phẳng*)
- Arched or curved fingernails (*móng cong*)
- Client returns often with breaks
- *Khách hàng thường xuyên quay lại vì bị hư*

# UV Light Units and Lamps

- UV lamp – light bulb
- *Đèn điện UV – bóng đèn ánh sáng nhẹ*
- UV light unit – powers and controls the lamp
- *Đơn vị ánh sáng UV – dùng điện và điều chỉnh đèn*
- Most common lamp is a 9-watt. (*Loại đèn phổ biến nhất là 9-watt*)





# UV Light Units and Lamps, cont'd.

- Gel polishes: removed differently than traditional polish
- *Sơn Gel: được loại bỏ một cách hoàn toàn khác biệt so với sơn truyền thống*
  - They do not dry, they cure (*chúng không khô, chúng lưu hóa*)
  - They do not thicken over time (*chúng không dày lên theo thời gian*)
- Gel maintenance: 2+ weeks after service
- *Bảo dưỡng gel: hơn 2 tuần sau dịch vụ*
- UV Gel Removal (*Loại bỏ gel UV*)
  - Traditional (hard) UV gels (*gel UV truyền thống cứng*)
  - Soft UV gels (*gel UV mềm*)



# UV Gel Pre-Service 18-1

## (*Tiền dịch vụ gel UV 18-1*)

- Wear gloves (*đeo găng tay*)
- Clean implements (*làm sạch các dụng cụ*)
- Rinse and dry implements (*rửa sạch và làm khô các dụng cụ*)
- Immerse and disinfect (*ngâm và khử trùng*)
- Wash hands (*rửa tay*)



# Basic Table Setup (*sắp xếp bàn*)

- Clean table (*dọn bàn*)
- Prepare arm cushion
- (*chuẩn bị đệm lót tay*)
- Immerse and disinfect implements
- (*ngâm và khử trùng các dụng cụ*)
- Place products (*đặt các sản phẩm*)
- Place abrasives (*đặt giũa*)
- Place fingerbowl (*Đặt tô ngâm tay*)
- Prepare waste receptacle
- (*chuẩn bị đồ chứa chất thải*)
- Place polishes (*chuẩn bị sơn*)
- Prepare drawer (*chuẩn bị ngăn kéo*)



# Greet Client (*chào đón khách hàng*)

- Greet client (*chào hỏi khách hàng*)
- Have client wash hands (*cho khách hàng rửa tay*)
- Have client dry hands (*cho khách làm khô tay*)
- Escort client to station (*đưa khách hàng tới bàn*)
- Perform consultation (*thực hiện tư vấn*)



# UV Gel Post-Service 18–2

## *(Hậu dịch vụ gel UV 18-2)*

- Advise client (*Tư vấn cho khách hàng*)
- Offer retail (*Cung cấp các sản phẩm*)
- Schedule next appointment (*Đặt hẹn tiếp theo*)
- Thank client (*Cảm ơn khách hàng*)
- Record service information (*Ghi lại thông tin về dịch vụ*)
- Clean station (*dọn dẹp khu vực làm việc*)
- Disinfect implements and reset station
- *Khử trùng các dụng cụ và sắp đặt lại khu vực làm việc*



# One-Color UV Gel on Tips or Natural Nails 18–3 (*Phương pháp gel UV một màu trên móng giả và móng tự nhiên 18-3*)

- Clean nails and remove polish
- *Làm sạch móng và loại bỏ sơn*
- Push back eponychium and remove cuticle
- *Đẩy lùi sừng liên móng, loại bỏ các mô biểu bì*
- Remove oily shine (*loại bỏ chất nhờn*)
- Lightly buff nail plate (*Đánh bóng đĩa móng nhẹ nhàng*)
- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Apply nail tips, if required
- *Sử dụng móng giả, nếu có yêu cầu*





## One-Color UV Gel on Tips or Natural Nails 18–3, cont'd. (*Phương pháp gel UV một màu trên móng giả và móng tự nhiên 18-3, tiếp*)

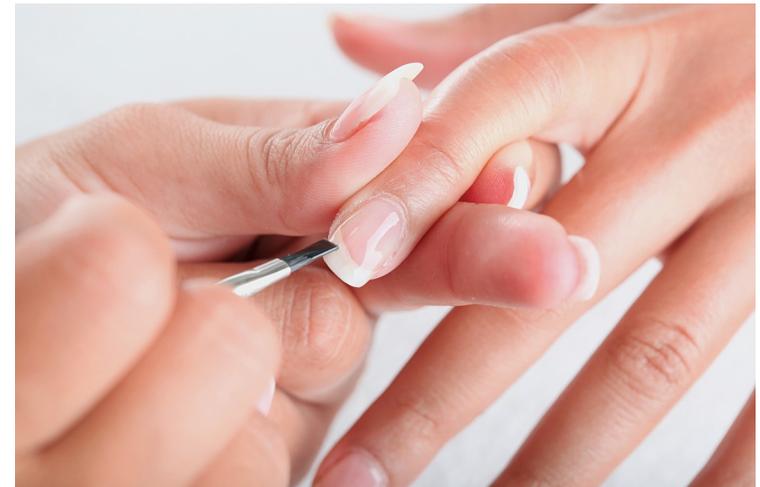
- Apply bonding or primer
- *Sử dụng Gel UV lót hoặc gel liên kết*
- Cure bonding gel (*lưu hóa gel liên kết*)
- Brush on UV gel (*chải lên gel UV*)
- Cure gel (*lưu hóa gel*)





## One-Color UV Gel on Tips or Natural Nails 18–3, cont'd. (*Phương pháp gel UV một màu trên móng giả và móng tự nhiên 18-3, tiếp*)

- Repeat prior two steps on opposite hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Apply gel (*sử dụng gel*)
- Cure gel (*lưu hóa gel*)
- Repeat prior two steps on opposite hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Apply more gel if needed
- *Sử dụng thêm gel nếu cần*
- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*
- Refine surface contour
- *Tinh chỉnh tạo dáng trên bề mặt*





## One-Color UV Gel on Tips or Natural Nails 18–3, cont'd. (*Phương pháp gel UV một màu trên móng giả và móng tự nhiên 18-3, tiếp*)

- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Remove oils (*loại bỏ chất nhờn*)
- Apply gel polish (*sử dụng sơn gel*)
- Cure polish (*lưu hóa sơn*)
- Apply second coat of gel polish
- *Đắp lớp sơn gel thứ hai*
- Cure second coat of gel polish
- *Lưu hóa lớp sơn gel thứ hai*





## One-Color UV Gel on Tips or Natural Nails 18–3, cont'd. (*Phương pháp gel UV một màu trên móng giả và móng tự nhiên 18-3, tiếp*)

- Apply gloss UV gel (*Sử dụng gel UV tạo độ bóng*)
- Cure gloss gel (*lưu hóa gel tạo độ bóng*)
- Remove inhibition layer (*Loại bỏ lớp bám dính*)
- Apply nail oil (*sử dụng dầu móng*)
- Apply hand lotion; massage hand/arm (*Sử dụng kem dưỡng da; mát xa tay*)
- Clean nail enhancements
- *Làm sạch móng đắp*





## Two-Color UV Gel on Tips 18-4

### *(Phương pháp gel UV hai màu trên móng giả 18-4)*

- Clean nails, remove polish
- *Làm sạch móng và loại bỏ sơn*
- Push back eponychium, remove cuticle
- *Đẩy lùi sừng liên móng, loại bỏ các mô biểu bì*
- Clean and dehydrate fingernails
- *Làm sạch và làm khô móng*
- Prepare nails (*chuẩn bị móng*)
- Remove dust from nail surface
- *Loại bỏ chất bẩn trên bề mặt móng*
- Apply nail tips, if desired (*Sử dụng móng giả, nếu muốn*)



## Two-Color UV Gel on Tips 18–4, cont'd.

*(Phương pháp gel UV hai màu trên móng giả 18-4, tiếp)*

- Apply primer or bonding gel
- *Sử dụng Gel UV lót hoặc gel liên kết*
- Cure bonding resin (*lưu hóa nhựa liên kết*)
- Select white gel (*chọn gel màu trắng*)
- Clean brush bristles (*làm sạch lông bàn chải*)
- Create smile lines (*tạo đường viền móng*)
- Cure gel (*lưu hóa gel*)
- Repeat prior three steps if needed
- *Lặp lại ba bước trước đó nếu cần*





## Two-Color UV Gel on Tips 18–4, cont'd.

### *(Phương pháp gel UV hai màu trên móng giả 18-4, tiếp)*

- Apply pink gel (*sử dụng gel màu hồng*)
- Cure first coat (*lưu hóa lớp đầu tiên*)
- Repeat prior two steps on opposite hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Apply more pink gel (*sử dụng thêm gel màu hồng*)
- Cure second coat (*lưu hóa lớp thứ hai*)
- Repeated prior two steps on opposite hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Apply another layer of gel
- *Đắp thêm lớp gel khác*
- Remove inhibition layer (*Loại bỏ lớp bám dính*)





## Two-Color UV Gel on Tips 18–4, cont'd.

### *(Phương pháp gel UV hai màu trên móng giả 18-4, tiếp)*

- Check fingernail contours
- *Kiểm tra kiểu dáng trên móng*
- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Clean fingernails (*làm sạch móng*)
- Apply gloss UV gel (*sử dụng gel UV tạo độ bóng*)
- Remove inhibition layer, if required
- *Loại bỏ lớp bám dính, nếu được yêu cầu*
- Apply nail oil (*sử dụng dầu móng*)
- Apply lotion and massage hand and arm
- *Sử dụng kem dưỡng da; mát xa tay*
- Clean nail enhancements (*Làm sạch móng đắp*)



# UV Gel Over Forms 18–5

## *(Gel UV trên khuôn móng 18-5)*

- Clean nail and remove polish
- *Làm sạch móng và loại bỏ sơn*
- Push back eponychium and remove cuticle
- *Đẩy lùi sừng liên móng, loại bỏ các mô biểu bì*
- Clean and dehydrate fingernails
- *Làm sạch và làm khô móng*
- Remove shine form nail surface
- *Loại bỏ độ bóng của khuôn trên bề mặt*
- Remove dust from nail surface
- *Loại bỏ chất bẩn trên bề mặt móng*



# UV Gel Over Forms 18–5, cont'd.

## *(Gel UV trên khuôn móng 18-5, tiếp)*

- Fit forms onto all fingers
- *Lắp khuôn vào các ngón tay*
- Apply primer or bonding gel
- *Sử dụng gel lót hoặc gel liên kết*
- Cure bonding gel
- *Lưu hóa gel liên kết*
- Repeat prior two steps on opposite hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Apply UV gel
- *Sử dụng gel UV*
- Cure gel (*lưu hóa gel*)



# UV Gel Over Forms 18–5, cont'd. (*Gel UV trên khuôn móng 18-5, tiếp*)

- Apply gel (*sử dụng gel*)
- Cure gel (*lưu hóa gel*)
- Remove nail forms (*loại bỏ khuôn móng*)
- Shape free edge (*tạo hình trên đầu móng*)
- Apply UV gel (*sử dụng gel UV*)
- Cure UV gel (*lưu hóa gel UV*)



# UV Gel Over Forms 18–5, cont'd.

*(Gel UV trên khuôn móng 18-5, tiếp)*

- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*
- Refine surface contour
- *Tinh chỉnh tạo dáng trên bề mặt*
- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Apply gloss UV gel sealer
- Cure UV nail
- *Lưu hóa móng UV*





# UV Gel Over Forms 18–5, cont'd.

*(Gel UV trên khuôn móng 18-5, tiếp)*

- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*
- Apply nail oil
- *Sử dụng dầu móng*
- Apply lotion and massage hand and arm
- *Sử dụng kem dưỡng da; mát xa tay*
- Clean nail enhancements
- *Làm sạch móng đắp*
- Apply nail polish, if desired
- *Sử dụng sơn, nếu muốn*





# UV Gel Maintenance 18–6

## *(Bảo dưỡng gel UV 18-6)*

- Clean nails and remove polish
- *Làm sạch móng và loại bỏ sơn*
- Push back eponychium, remove cuticle
- *Đẩy lùi sừng liên móng, loại bỏ các mô biểu bì*
- Clean and dehydrate fingernails
- *Làm sạch và làm khô móng*
- Buff to remove shine
- *Loại bỏ độ bóng*
- Remove dust from nail surface
- *Loại bỏ chất bẩn trên bề mặt móng*
- Apply primer or bonding gel
- *Sử dụng gel lót hoặc gel liên kết*





# UV Gel Maintenance 18–6, cont'd.

## *(Bảo dưỡng gel UV 18-6, tiếp)*

- Cure bonding resin (*lưu hóa nhựa liên kết*)
- Apply UV gel (*sử dụng gel UV*)
- Cure first UV gel (*lưu hóa gel UV đầu tiên*)
- Repeat prior two steps on other hand
- *Lặp lại hai bước trước đó trên bàn tay còn lại*
- Cure UV gel
- *Lưu hóa gel UV*
- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*





# UV Gel Maintenance 18–6, cont'd.

## *(Bảo dưỡng gel UV 18-6, tiếp)*

- Refine surface contour
- *Tinh chỉnh tạo dáng trên bề mặt*
- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Clean fingernails (*làm sạch móng*)
- Apply gloss UV gel sealer
- Cure gloss gel
- *Lưu hóa gel tạo độ bóng*





# UV Gel Maintenance 18–6, cont'd.

## *(Bảo dưỡng gel UV 18-6, tiếp)*

- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*
- Apply nail oil
- *Sử dụng dầu móng*
- Apply lotion and massage hand and arm
- *Sử dụng kem dưỡng da; mát xa tay*
- Clean nail enhancements
- *Làm sạch móng đắp*
- Apply nail polish, if desired
- *Sử dụng sơn, nếu muốn*



# UV Gel over ML/PP Enhancements with Gel Polish 18-7

*(Gel UV trong đắp móng ML/PP với sơn gel 18-7)*

- Perform ML/PP application
- *Thực hiện ứng dụng ML / PP*
- Contour and shape enhancements
- *Tạo dáng móng đắp*
- Remove dust (*loại bỏ chất bẩn*)
- Remove oils (*loại bỏ chất nhờn*)
- Apply gel polish (*bôi sơn gel*)
- Cure gel polish (*lưu hóa sơn gel*)
- Apply gel polish over entire surface
- *Bôi sơn gel trên toàn bộ bề mặt*

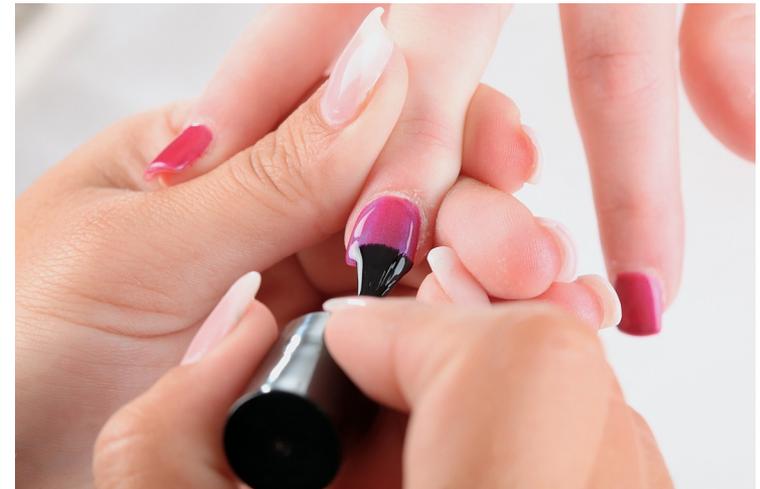




# UV Gel over ML/PP Enhancements with Gel Polish 18-7, cont'd.

*(Gel UV trong đắp móng ML/PP với sơn gel 18-7)*

- Cure gel polish (*Lưu hóa sơn gel*)
- Apply third layer of UV gel
- *Bôi lớp thứ ba của gel UV*
- Cure gloss gel
- *Lưu hóa gel tạo độ bóng*
- Remove inhibition layer
- *Loại bỏ lớp bám dính*
- Apply nail oil (*Sử dụng dầu móng*)
- Apply lotion and massage hand and arm
- *Sử dụng kem dưỡng da; mát xa tay*
- Clean nail enhancements (*Làm sạch móng đắp*)





# UV Hard Gel Removal 18–8

## (Loại bỏ gel UV cứng 18-8)

- Remove polish (*loại bỏ sơn*)
- Reduce thickness (*giảm độ cứng*)
- Smooth enhancement (*làm mịn móng đắp*)
- Suggest natural nail manicure (*Đề nghị làm móng tự nhiên*)



# UV Soft Gel Removal 18-9

## (Loại bỏ gel UV mềm 18-9)

- Remove polish (*loại bỏ sơn*)
- File nail (*giũa móng*)
- Prepare soak solution
- *Chuẩn bị cho ngâm chất tẩy*
- Soak nails (*ngâm móng*)
- Gently push off gel
- *Nhẹ nhàng đẩy sản phẩm ra*
- Buff nails (*đánh bóng móng*)
- Suggest natural nail manicure
- *Đề nghị làm móng tự nhiên*





# Summary and Review

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại)*

- Describe the chemistry and main ingredients of UV gels.
- *Mô tả các tính chất hóa học và thành phần chính của gel UV.*
- When would you use a one-color method of applying UV gels? When would you use a two-color method for applying UV gels?
- *Khi nào bạn sử dụng các phương pháp một màu và hai màu trong việc sử dụng gel UV.*
- What are the types of UV gels used in current systems?
- *Các loại gel UV được sử dụng trong các hệ thống hiện tại là gì?*



# Summary and Review, cont'd.

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại, tiếp)*

- What supplies are needed for UV gel application?
- *Các vật liệu cần thiết cho các ứng dụng của gel UV là gì?*
- When should you use UV gels?
- *Khi nào bạn nên sử dụng gel UV?*
- When should you use a building gel, a self-leveling gel or a UV gel that uses fiberglass?
- *Khi nào bạn nên sử dụng gel kiến tạo, gel tự san bằng và gel UV sử dụng sợi thủy tinh*



# Summary and Review, cont'd.

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại, tiếp)*

- What are the differences between UV light units and UV lamps?
- *Sự khác nhau giữa các đơn vị UV ánh sáng và UV đèn điện là gì?*
- List the steps to take when applying one-color UV gel on tips or natural nails.
- *Liệt kê các bước trong việc sử dụng gel UV một màu cho móng giả và móng tự nhiên.*



# Summary and Review, cont'd.

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại, tiếp)*

- Describe how UV gels are applied over forms. The application procedure for a one-color method UV gel on tips or natural nails.
- *Mô tả cách sử dụng các gel UV trên các khuôn móng. Quy trình ứng dụng của phương pháp gel UV một màu cho móng giả và móng tự nhiên.*



# Summary and Review, cont'd.

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại, tiếp)*

- Describe how to maintain UV gel nail enhancements.
- *Mô tả cách bảo dưỡng móng đắp gel UV*



# Summary and Review, cont'd.

## *(Tóm tắt và kiểm tra lại, tiếp)*

- Explain how to correctly remove hard UV gels.
- *Giải thích cách chính xác để loại bỏ gel UV cứng.*
- Explain how to correctly remove soft UV gels.
- *Giải thích cách chính xác để loại bỏ gel UV mềm.*



# Congratulations!

You have completed one unit of study toward course completion.